

CHUYÊN ĐỀ:
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
CÔNG TÁC KHUYẾN CÔNG

PHẦN I

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.
- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

2. Chính sách khuyến công

Chính sách khuyến công là các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến công).

3. Giải thích từ ngữ

Chương trình khuyến công là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trong từng giai đoạn (thường là 05 năm) được Bộ Công Thương (đối với khuyến công quốc gia) và Chủ tịch UBND tỉnh (đối với khuyến công địa phương) phê duyệt nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động ở các địa phương.

Kế hoạch khuyến công là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt; kế hoạch khuyến công địa phương sử dụng từ nguồn ngân sách cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Đề án khuyến công là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công theo quy định. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu là sản phẩm do các cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, có chất lượng, giá trị sử dụng cao; có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường; đáp ứng được một số tiêu chí cơ bản về kinh tế, kỹ thuật, xã hội; về sử dụng nguồn nguyên liệu; giải quyết việc làm cho người lao động và thỏa mãn yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp là việc áp dụng các giải pháp về quản lý, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên

liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

4. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

Ví dụ: Công ty TNHH A, Công ty CP B, HTX Nông nghiệp A, HTX Sản xuất chế biến B, Tổ dịch vụ sản xuất C, Hộ kinh doanh Nguyễn Văn A,...

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

Ví dụ: áp dụng các giải pháp về quản lý, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Ví dụ: Trung tâm Khuyến công cấp vùng, Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh.

5. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định.

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định.

6. Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

Ví dụ: Chế biến rau, củ, quả,...; Chế biến gỗ nội, ngoại thất và các sản phẩm từ gỗ,...; Chế biến nước mắm, cá khô, tôm khô, mực khô,...; Sản xuất cà phê, trà,

rượu, bún, bánh, dầu ăn, muối...

- Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

Ví dụ: Sản xuất hàng dệt may, da giày,...

- Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.

- *Ví dụ: Sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...; Sản xuất gạch không nung, ngói không nung,...*

- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

Ví dụ: Sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị điện, bu lông, ốc, vít, bao bì, cơ khí...

- Sản xuất hàng thủ công nghiệp.

Ví dụ: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre đan,...

- Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Ví dụ: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải,...

7. Mục tiêu hoạt động khuyến công

- Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

1. Nội dung hoạt động khuyến công

- Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Hình thức đào tạo nghề,

truyền nghề chủ yếu là ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

- Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

- Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

- Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường:

- + Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề. Hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

- + Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

- + Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Hợp tác quốc tế về khuyến công, bao gồm các hoạt động:

- + Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế.

+ Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

+ Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

+ Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn.

+ Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Trung tâm Khuyến công cấp vùng và cấp tỉnh. Xây dựng và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

+ Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công hàng năm.

+ Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

2. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

- Nội dung, nhiệm vụ đề án phù hợp với nội dung hoạt động khuyến công và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công.

- Nhiệm vụ, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Bộ Công Thương đối với khuyến công quốc gia; UBND cấp tỉnh, cấp xã đối với khuyến công địa phương).

- Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

- Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

- Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

- Hồ sơ đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công theo quy định và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm thực hiện đề án thống nhất có văn bản đề nghị hỗ trợ.

3. Nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ

- *Địa bàn ưu tiên:* Ưu tiên các chương trình, đề án thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

- *Ngành nghề ưu tiên:*

+ Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

+ Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp trọng điểm của quốc gia, vùng, miền và từng địa phương; sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.

4. Kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

Kinh phí cho hoạt động khuyến công và kinh phí áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (sau đây gọi chung là kinh phí khuyến công), bao gồm kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

- Kinh phí khuyến công quốc gia là kinh phí sử dụng cho những hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kinh phí khuyến công địa phương là kinh phí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng cho những hoạt động khuyến công do các cấp ở địa phương thực hiện.

PHẦN II

MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.
- Quyết định số 4371/QĐ-BCT ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia.
- Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

II. MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

1. Mức chi hoạt động khuyến công quốc gia

- Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. **Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.**

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

+ Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.**

+ Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. **Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình.**

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.**

- Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.** Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. **Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.**

- Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. **Hỗ trợ 100% các khoản chi phí**, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia:

+ Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia. **Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/lần đối với cấp khu vực và 400 triệu đồng/lần đối với cấp quốc gia.**

+ Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. **Đạt giải cấp khu vực không quá 05 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp quốc gia không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.**

- Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. **Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.**

- Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.**

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp vùng và cấp quốc gia. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 70 triệu đồng/hội,**

hiệp hội cấp vùng, 100 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp quốc gia.

- Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.**

- Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư); **Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở.** Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

- Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.**

- Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.**

- Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.**

- Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. **Mức hỗ trợ không quá 6.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.**

- Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

+ Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

+ Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: **Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.**

- Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng và cơ sở công nghiệp nông thôn:

+ Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. **Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/phòng trưng bày.**

+ Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. **Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.**

+ Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. **Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.**

- Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

+ Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công quốc gia: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

2. Một số mức chi hoạt động khuyến công quốc gia áp dụng theo khung định mức

Đối với các nội dung hoạt động khuyến công quốc gia về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp: Mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia áp dụng theo khung định mức.

a. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Từ 2.000 triệu đồng đến dưới 4.000 triệu đồng	400	(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ bao gồm các chi phí: Xây dựng cơ bản, mua sắm máy
2	Từ 4.000 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng	500	
3	Từ 6.000 triệu đồng đến dưới 8.000 triệu đồng	600	
4	Từ 8.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng	700	
5	Từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu	800	

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
	đồng		móc thiết bị phục vụ xây dựng mô hình.
6	Từ 12.000 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng	900	
7	Từ 15.000 triệu đồng trở lên	1.000	

Riêng đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, khung định mức hỗ trợ như sau:

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Từ 1.500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng	400	(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ bao gồm các chi phí: Xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ xây dựng mô hình.
2	Từ 3.000 triệu đồng đến dưới 4.500 triệu đồng	500	
3	Từ 4.500 triệu đồng đến dưới 6.000 triệu đồng	600	
4	Từ 6.000 triệu đồng đến dưới 7.500 triệu đồng	700	
5	Từ 7.500 triệu đồng đến dưới 9.000 triệu đồng	800	
6	Từ 9.000 triệu đồng đến dưới 10.500 triệu đồng	900	
7	Từ 10.500 triệu đồng trở lên	1.000	

b. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
I	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến		(*) Tổng vốn đầu tư để xác định mức hỗ trợ là chi phí mua sắm máy móc, thiết bị hoặc dây chuyền công nghệ
1	Từ 400 triệu đồng đến dưới 600 triệu đồng	200	
2	Từ 600 triệu đồng trở lên	300	

TT	Tổng vốn đầu tư (*)	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)	Ghi chú
II	Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền công nghệ		
1	Từ 700 triệu đồng đến dưới 900 triệu đồng	350	
2	Từ 900 triệu đồng trở lên	450	

c. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

TT	Tổng dự toán được phê duyệt của hạng mục công trình hoặc gói thầu đề nghị hỗ trợ	Mức kinh phí KCQG hỗ trợ tối đa (Triệu đồng)
1	Từ 7.000 triệu đồng đến dưới 8.500 triệu đồng	2.000
2	Từ 8.500 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng	2.500
3	Từ 10.000 triệu đồng đến dưới 12.000 triệu đồng	3.000
4	Từ 12.000 triệu đồng đến dưới 13.500 triệu đồng	3.500
5	Từ 13.500 triệu đồng đến dưới 15.000 triệu đồng	4.000
6	Từ 15.000 triệu đồng đến dưới 17.000 triệu đồng	4.500
7	Từ 17.000 triệu đồng đến dưới 18.500 triệu đồng	5.000
8	Từ 18.500 triệu đồng đến dưới 20.000 triệu đồng	5.500
9	Từ 20.000 triệu đồng trở lên	6.000

III. MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

- Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. **Mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/01 doanh nghiệp.**

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

+ Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/01 mô hình.**

+ Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. **Mức hỗ trợ không quá 70 triệu**

đồng/01 mô hình.

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/01 mô hình.**

- Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/01 cơ sở.**

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

+ Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. **Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/01 lần đối với cấp tỉnh**

+ Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. **Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm**

- Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. **Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu.**

- Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/01 cơ sở.**

- Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập nhưng không quá 50 triệu đồng/01 hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh.**

- Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. **Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/01 cụm liên kết.**

- Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (*hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư*); **Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất**

cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 350 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. **Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/01 cơ sở.**

- Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: **Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.**

- Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. **Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/01 phòng trưng bày.**

- Chi quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương:

+ Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

PHẦN III

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

- Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh.

II. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

1. Trình tự xây dựng

- Kế hoạch khuyến công quốc gia được lập trên cơ sở báo cáo đăng ký của các địa phương, đơn vị. Báo cáo đăng ký các đề án khuyến công quốc gia gửi Cục Công Thương địa phương, bao gồm:

+ Kết quả thực hiện công tác khuyến công năm trước; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công của năm hiện tại; Mục tiêu và định hướng công tác khuyến công của năm sau.

+ Danh mục, đề án nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo Mẫu số 2 Phụ lục 1 của Thông tư số 17/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017

- Cục Công Thương địa phương rà soát, lựa chọn đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia của các địa phương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng và bổ sung thêm đề án, nhiệm vụ của Cục Công Thương địa phương để tổng hợp kế hoạch khuyến công quốc gia trình Bộ Công Thương xem xét, tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

- Cục Công Thương địa phương thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia theo quy định cho phù hợp với dự toán kinh phí khuyến công quốc gia được giao của cấp có thẩm quyền, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia.

- Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia và dự toán thu chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương, Cục Công Thương địa phương thông báo giao nhiệm vụ khuyến công quốc gia thường xuyên cho các đơn vị để tổ chức thực hiện theo quy định. Sau khi có ý kiến thống nhất phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, Cục Công Thương địa phương thông báo giao kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia cho các địa phương, đơn vị có đề án để ký hợp đồng, triển khai thực hiện.

2. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia

a. Thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia

- Các đơn vị gửi đăng ký kế hoạch về Sở Công Thương gồm các tài liệu sau:

+ Công văn đề nghị của đơn vị;

+ Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia.

- Sở Công Thương tổng hợp, lựa chọn và gửi báo cáo đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định về Cục Công Thương địa phương trước ngày 20 tháng 6 hàng năm.

b. Hồ sơ thẩm định cấp cơ sở

Các đơn vị gửi 02 bộ hồ sơ đề án đã đăng ký (kèm theo tệp tin điện tử của hồ sơ) hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (đối với đề án điểm) về Sở Công Thương để thẩm định cấp cơ sở.

Hồ sơ đề án gồm: Đề án được lập theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013; Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị thụ hưởng (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng). Một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013.

c. Hồ sơ thẩm định cấp Bộ

Các địa phương, đơn vị và Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng gửi 01 bộ hồ sơ đề án đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia (đối với đề án điểm) về Cục Công Thương địa phương trước ngày 30 tháng 9 hàng năm (trường hợp khác theo hướng dẫn của Cục Công Thương địa phương) để thẩm định cấp Bộ. Hồ sơ đề án gồm:

- Đề án khuyến công quốc gia;

- Phiếu thẩm định cấp cơ sở (theo Mẫu số 4a hoặc 4b của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018);

- Một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013.”

3. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công quốc gia

Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản (đối với các đề án do Sở Công Thương đăng ký kế hoạch hoặc đề án do đơn vị khác thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phải có xác nhận hoặc văn bản đề nghị của Sở Công Thương) gửi Cục Công Thương địa phương, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án.

Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của các đơn vị thực hiện, Cục Công Thương địa phương xem xét phê duyệt hoặc trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, cụ thể như sau:

- Cục Công Thương địa phương trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh: Tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ; thay đổi nội dung

hoạt động khuyến công; gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo; bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án để điều chỉnh kinh phí hỗ trợ giữa các đơn vị thực hiện trong năm ngân sách.

- Cục Công Thương địa phương phê duyệt các đề nghị điều chỉnh: thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian (trong năm tài chính) thực hiện đề án; các điều chỉnh không làm thay đổi hoặc điều chỉnh giảm tổng mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và các điều chỉnh khác. Các điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Cục Công Thương địa phương thực hiện thông qua các hình thức: Ban hành quyết định điều chỉnh giao nhiệm vụ hoặc điều chỉnh thông qua điều chỉnh các nội dung điều khoản tại hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia.

- Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Cục Công Thương địa phương xem xét, trình Bộ Công Thương quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

- Đối với các đề án nhóm do Sở Công Thương thẩm định, đăng ký (trừ đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp), khi điều chỉnh thay đổi địa điểm, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, Sở Công Thương chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và điều chỉnh kế hoạch thực hiện, đồng thời gửi văn bản điều chỉnh về Cục Công Thương địa phương để theo dõi, tạm ứng, thanh quyết toán.

III. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

1. Trình tự xây dựng

- Trên cơ sở Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hàng năm Sở Công Thương có văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm.

Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo, hướng dẫn xây dựng, đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm trên cơ sở nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn, cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn đăng ký

- Kế hoạch khuyến công địa phương được lập trên cơ sở tổng hợp đăng ký khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đăng ký khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi về Sở Công Thương, bao gồm:

- + Văn bản đăng ký hỗ trợ kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- + Danh mục các đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công.

- Sở Công Thương phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, kiểm tra bổ sung hồ sơ đảm bảo đúng quy định; nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất, nhu cầu hỗ trợ đầu tư của cơ sở công nghiệp nông thôn, cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn; tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương gửi Sở Tài chính tổng hợp theo quy định.

- Sở Công Thương tổ chức thẩm định các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương theo quy định cho phù hợp với dự toán kinh phí khuyến công địa phương được giao, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương.

- Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công địa phương, Sở Công Thương tổ chức triển khai thực hiện các đề án khuyến công địa phương. Đồng thời, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ sở công nghiệp nông thôn, cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn thông báo các đề án khuyến công được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ và những đề án khuyến công không được hỗ trợ.

2. Hồ sơ và thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương

a. Thời gian đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương

- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương về Sở Công Thương chậm nhất đến ngày 15 tháng 6 hàng năm, gồm các tài liệu sau:

- + Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- + Danh mục đề án, nhiệm vụ đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương.

- Sở Công Thương rà soát, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương gửi Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b. Hồ sơ đề án khuyến công gửi thẩm định

Các đơn vị thực hiện đề án gửi 03 bộ hồ sơ/01 đề án (kèm theo tệp tin điện tử của hồ sơ) đã đăng ký hoặc Bản đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương (đối với đề án điểm) về Sở Công Thương trước ngày 31 tháng 8 hàng năm để Sở Công Thương tiến hành thẩm định.

Hồ sơ đề án gồm: Đề án khuyến công được lập theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 28/02/2020; Văn bản đề nghị hỗ trợ của đơn vị thụ hưởng (đối với đề án mà đơn vị thực hiện đề án không đồng thời là đơn vị thụ hưởng); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; báo cáo tài chính (nếu có). Một số dạng đề án phải kèm theo các tài liệu như quy định tại Phụ lục 2 của Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 28/02/2020.

Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch khuyến công sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch.

3. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương

- Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị thực hiện đề án có văn bản gửi Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 9 hàng năm, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án khuyến công.

- Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung, ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị thực hiện đề án, Sở Công

Thương xem xét, kiểm tra, thẩm định theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, thay thế, ngừng thực hiện đề án khuyến công trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

- Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu theo các văn bản quy định về khuyến công, tiến độ thực hiện không đảm bảo theo đề án đã được thẩm định, hợp đồng đã được ký kết, Sở Công Thương xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngừng thực hiện.

PHẦN IV
HƯỚNG DẪN LẬP ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

I. HƯỚNG DẪN LẬP ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG THEO MẪU SỐ 5 QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2020/QĐ-UBND NGÀY 28/02/2020 CỦA UBND TỈNH

II. MỘT SỐ LỖI THƯỜNG GẶP KHI LẬP ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

- Tên đơn vị không đúng với tên đã đăng ký trên giấy đăng ký kinh doanh.
- Năm đề nghị hỗ trợ không phù hợp với năm kế hoạch khuyến công.

Ví dụ: Kế hoạch khuyến công năm 2023 nhưng lại ghi năm đề nghị hỗ trợ là năm 2022.

- Số điện thoại liên lạc không được hoặc không đúng chủ.
- Đề xuất nội dung hỗ trợ và ngành nghề không phù hợp.

Ví dụ: Hỗ trợ đầu tư nhà xưởng sản xuất...; Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị vào trồng nấm...

- Đề xuất mức hỗ trợ không phù hợp với mức chi hoạt động khuyến công.

Ví dụ: Tổng mức đầu tư máy móc thiết bị 300 triệu đồng nhưng đề xuất mức hỗ trợ 200 triệu đồng.

- Chưa ký vào đơn đề nghị hỗ trợ.

Đơn vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG NĂM ...

Kính gửi:

- Sở Công Thương;
- UBND xã, phường.....;
-

Tên đơn vị: *(ghi chính xác theo giấy đăng ký kinh doanh)*

Đại diện:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... fax:..... email:.....

Giấy phép đăng ký kinh doanh số:..... Đăng ký thay đổi lần thứ

..... *(hoặc đăng ký lần đầu)* ngày... tháng... năm... do... cấp.*(Phần giải trình xin hỗ trợ: ghi rõ nội dung xin hỗ trợ, lý do xin hỗ trợ ...)*

.....

Tổng vốn đầu tư:.....

Trong đó:

Cơ sở CNNT đầu tư:.....

Vốn khác: (nếu có)

Hỗ trợ từ khuyến công:

Sau khi được hướng dẫn về nội dung hỗ trợ của đề án khuyến công năm *(tên đơn vị)* đã hiểu rõ điều kiện được hỗ trợ cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của*(đơn vị)* khi được hỗ trợ. Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đúng các nội dung cũng như kế hoạch của đề án, hoàn chỉnh hồ sơ đề án và sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định; cam kết đáp ứng đủ vốn đối ứng để thực hiện đề án và chưa được nhận bất kỳ hỗ trợ nào từ ngân sách nhà nước cho nội dung xin hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công. *(phần này bắt buộc ghi theo mẫu).*

Trân trọng cảm ơn./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(ký tên, đóng dấu, ghi rõ tên)*

PHẦN V

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG HƯỚNG

Trên cơ sở Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, để công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả cao hơn trong thời gian tới, cần thực hiện các phương hướng sau:

1. Phát triển hoạt động khuyến công gắn với quá trình *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động; hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư nông nghiệp, sản xuất tiêu thủ công nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn, đặc biệt các địa bàn vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc, các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Thực hiện “*Đổi mới công tác khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số*”. Đẩy mạnh hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong sản xuất công nghiệp nông thôn; hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa có quy mô, tập trung theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế của địa phương, phù hợp với nhu cầu thị trường.

3. Khuyến khích phát triển công nghiệp xanh; thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm nhằm khai thác hợp lý và giảm tổn thất tài nguyên trong công nghiệp; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Định hướng hoạt động khuyến công hỗ trợ có trọng tâm trọng điểm vào các lĩnh vực, sản phẩm chủ lực, tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương.

Tiếp tục tập trung hỗ trợ một số nội dung hoạt động hiệu quả như xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn kỹ thuật và ứng dụng máy móc tiên tiến; hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề gắn với du lịch, văn hóa.

5. Tăng cường liên kết các tỉnh, thành phố trong vùng và giữa các vùng để phát huy được thế mạnh của mỗi địa phương, đồng thời liên kết khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế của cả vùng trong phát triển ngành và hoạt động khuyến công.